

KINH NGHIỆM THU HÚT FDI CỦA TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

● VŨ LÊ THÙY TRANG

TÓM TẮT:

Là một quốc gia đi đầu trong hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, Trung Quốc đã thực hiện nhiều chính sách thu hút FDI, như: ban hành Luật Liên doanh (1979), thành lập đặc khu kinh tế (1980), gia nhập WTO (2001), sửa đổi quy định đầu tư (2002-2012), thí điểm khu mậu dịch tự do (2013), và thông qua Luật Đầu tư nước ngoài (2019). Kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách thu hút FDI tại Trung Quốc đã mang lại những đóng góp quan trọng về kinh tế - xã hội. Về kinh tế, FDI đã cung cấp vốn chất lượng cao và công nghệ tiên tiến, giúp tăng trưởng GDP trung bình hàng năm từ năm 1978 đến năm 2002 đạt 9,4% và 8% cho GDP bình quân đầu người. Về mặt xã hội, FDI tạo ra cơ hội việc làm thông qua việc tuyển dụng trực tiếp và tạo liên kết giữa các ngành. Việt Nam là quốc gia có những tính chất tương đồng với Trung Quốc sẽ cần học hỏi những kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài như Trung Quốc. Bài viết này phân tích về tình hình thực hiện chính sách thu hút FDI của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Từ khóa: thu hút FDI, Trung Quốc, kinh nghiệm.

1. Cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài được định nghĩa là khoản đầu tư có mối quan hệ lâu dài và phản ánh lợi ích cùng quyền kiểm soát của một thực thể thường trú trong một nền kinh tế (Nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc công ty sở hữu) vào một doanh nghiệp cư trú tại một nền kinh tế tại một quốc gia khác (OECD, 2013). Theo WTO (2002), FDI diễn ra khi một nhà đầu tư tại nước sở tại mua một tài sản cố định ở một quốc gia chủ nhà với mục đích quản lý tài sản đó. Điều tạo nên sự khác biệt giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp vào cổ phiếu, trái phiếu tại nước ngoài chính là hoạt động quản lý. Hơn nữa, Farrell (2008) cho rằng, FDI bao gồm một gói vốn cùng công nghệ, quản lý và chiến lược kinh doanh và cho phép cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại một thị trường nước ngoài. Những công

ty có chung định hướng và chiến lược như vậy được gọi là các tập đoàn đa quốc gia (MNC). Kết quả, FDI đóng một chức năng kép bằng cách góp phần tích lũy vốn và tăng năng suất nhân tố tổng hợp (Nath, 2009). Điều này do FDI thường đi kèm với việc chuyển giao kiến thức quản lý và sản xuất đáng kể từ nhà đầu tư sang nước sở tại và có khả năng lan tỏa sang các doanh nghiệp trong nước ở nền kinh tế sở tại. Romer (1993) đã lập luận rằng tác động của FDI tới tăng trưởng ở các nước sở tại có thể có giá trị hơn so với việc tạo ra sản lượng trực tiếp bằng cách bổ sung cho đầu tư trong nước. Tác động gián tiếp của FDI tới tăng trưởng ở nước sở tại có thể bao gồm tổng các tác động bên ngoài của nó đối với đầu tư trong nước thông qua lan tỏa kiến thức và liên kết dọc.

FDI có thể được thực hiện theo hình thức dọc

(liên ngành), có tác động lan tỏa theo chiều dọc thông qua liên kết xuôi và ngược với các công ty trong nước. FDI theo chiều dọc thường được thúc đẩy bởi sự khác biệt về nguồn lực yếu tố sản xuất và giá cả của các yếu tố sản xuất giữa nước sở tại và nước sở tại. Các nhà đầu tư nước ngoài được thúc đẩy bởi sự khác biệt của các yếu tố sản xuất, như lao động rẻ, tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng sản xuất và cơ sở hạ tầng (Botric, V., & Škuflić, 2006). Hoặc, đầu tư trực tiếp cũng có thể diễn ra theo chiều ngang (nội ngành) với tác động lan tỏa theo chiều ngang. Khả năng tiếp cận FDI theo chiều ngang thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước cạnh tranh hoạt động trên cùng một thị trường và tìm cách tận dụng lợi thế của một thị trường rộng lớn mới được coi là trục xoay của chính sách toàn cầu hóa. Theo Kumar & Pradhan (2005), lan tỏa kiến thức về FDI có thể được phân thành hai loại lớn: lan tỏa trong nội bộ ngành và lan tỏa giữa các ngành.

2. Các chính sách thu hút FDI của Trung Quốc

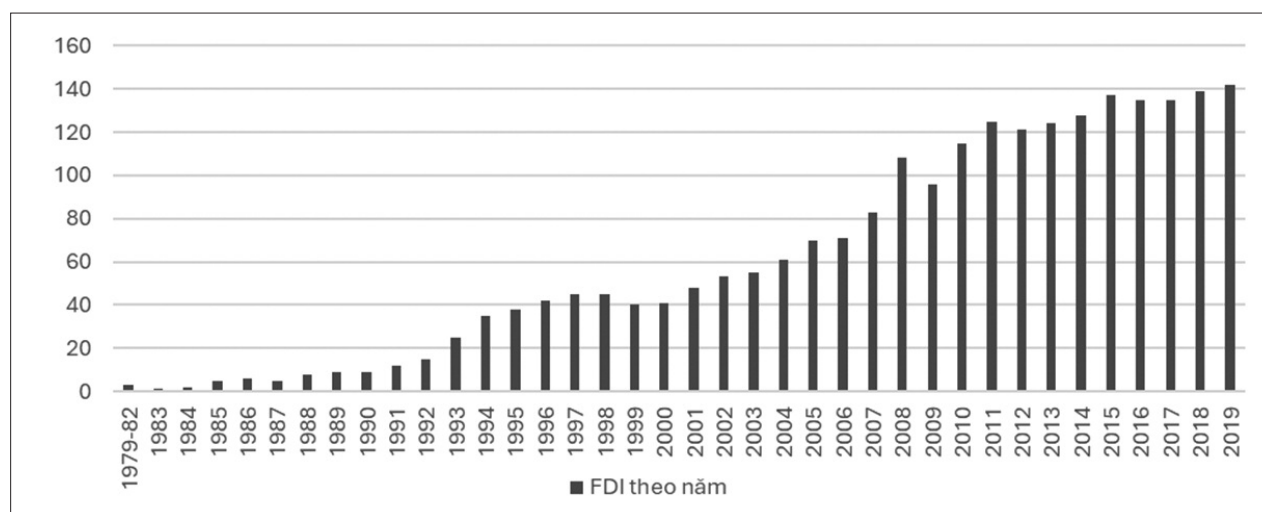
2.1. Thực trạng FDI tại Trung Quốc

Vào năm 2020, khi FDI toàn cầu sụt giảm sâu, lượng FDI sử dụng thực tế của Trung Quốc chiếm khoảng 15% tổng số toàn cầu, tăng từ mức 6,7% được ghi nhận vào năm 2015. Vào năm 2021, mức sử dụng vốn FDI thực tế của Trung Quốc đạt 1,149 nghìn tỷ Nhân dân tệ, tăng 14,9% so với năm trước. Tính theo đồng đô la Mỹ, dòng vốn FDI đạt 173,48 tỷ USD, tăng 20,2% so với năm trước, theo Bộ Thương mại (MOFCOM). (Biểu đồ 1)

Vào năm 2022, mức sử dụng vốn nước ngoài thực tế của Trung Quốc đạt 1,2 nghìn tỷ Nhân dân tệ, tăng 6,3% so với năm trước. Tính theo đồng đô la Mỹ, nó đạt 189,13 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng hàng năm là 8%. Đây là sự chậm lại rõ rệt so với năm 2021, khi vốn FDI tăng lần lượt là 14,9% và 20,2% so với cùng kỳ năm ngoái tính theo Nhân dân tệ và Đô la Mỹ. Nhìn vào năm 2022, có thể thấy tốc độ tăng trưởng của dòng vốn FDI đã chậm lại trong suốt cả năm, đạt mức cao nhất là 37,9% theo năm trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 2 và giảm xuống 6,3% theo năm từ tháng 1 đến tháng 12, tính bằng Nhân dân tệ. Tháng 6 chứng kiến dòng vốn FDI lớn nhất xét về giá trị, với 159,1 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 23,5 tỷ USD) được hấp thụ trong tháng đó. (Biểu đồ 2)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng ổn định trong quý đầu tiên (Q1) năm 2023, theo dữ liệu do Bộ Thương mại nước này công bố. Trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 3, dòng vốn FDI sử dụng thực tế đã tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái lên 408,45 tỷ nhân dân tệ (khoảng 59,2 tỷ USD) (Biểu đồ 3). Khi các nguồn đầu tư đã đa dạng hóa và chuyển sang các nền kinh tế công nghiệp hóa, các thỏa thuận về sự tham gia của nước ngoài vào các nền kinh tế Trung Quốc cũng đã phát triển. Trong những năm qua, các dự án FDI ở Trung Quốc được phân loại thành 4 hình thức: liên doanh cổ phần (EJV), doanh nghiệp hoạt động hợp tác hoặc liên

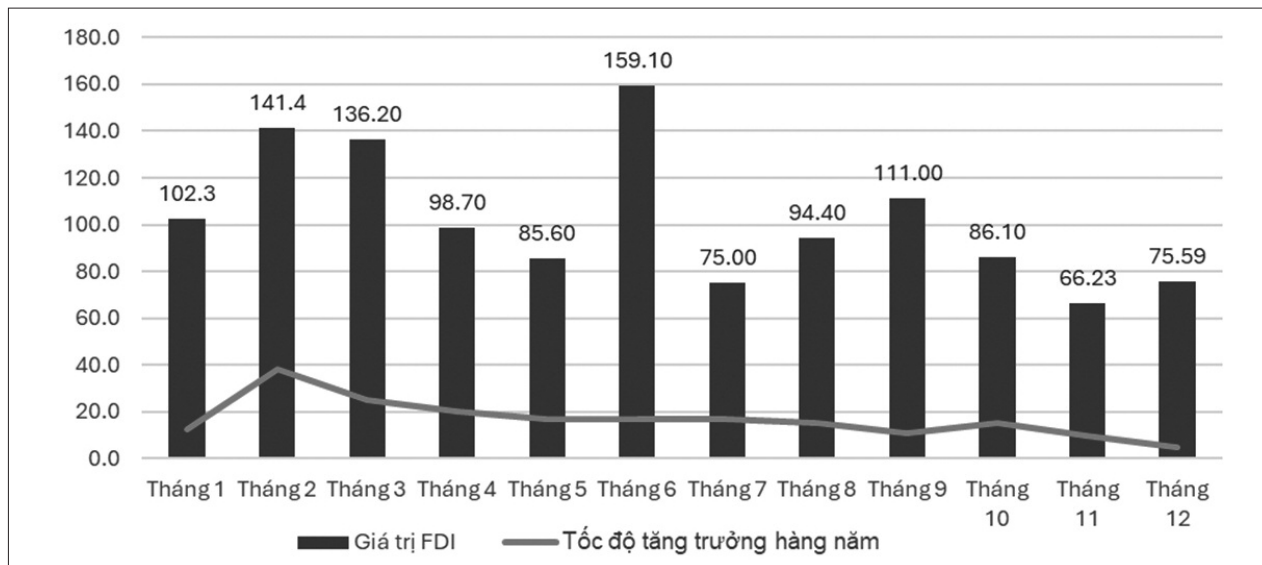
Biểu đồ 1: FDI đầu vào Trung Quốc từ năm 1979-2019



Nguồn: Statistical bulletin of FDI in China 2020

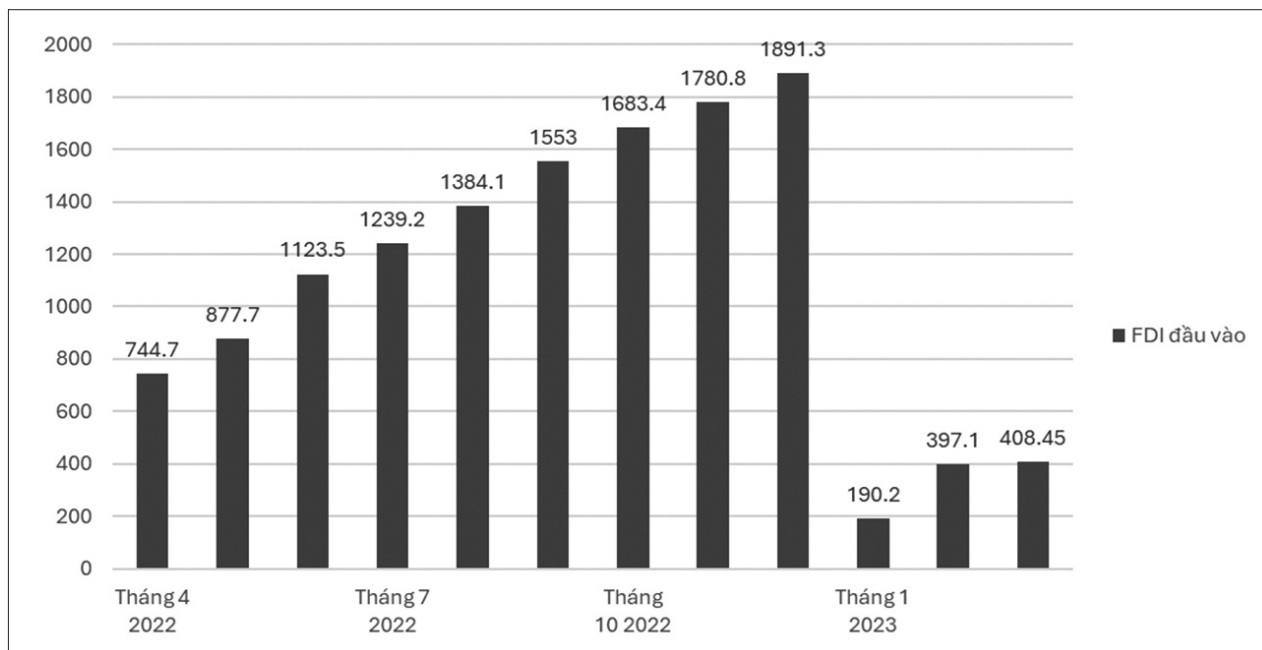
Biểu đồ 2: FDI đầu vào Trung Quốc năm 2022

Đơn vị: Tỷ Nhân dân tệ



Nguồn: China Breifing, 2022

Biểu đồ 3: FDI đầu vào Trung Quốc từ giữa năm 2022 đến tháng 3/2023



Nguồn: China Breifing, 2022

doanh theo hợp đồng (CJV), doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (WFO), công ty cổ phần nước ngoài (FS). (Bảng 1)

2.2. Chính sách thu hút FDI của Trung Quốc

Quan điểm, tư duy, mục tiêu và định hướng của chính quyền Trung Quốc qua các thời kỳ cùng phần nào được phản ánh qua những thay đổi trong hệ

thống chính sách dành cho khu vực FDI. Tóm lược những sửa đổi và cải thiện chính sách theo thứ tự thời gian được thể hiện qua Bảng 2.

2.3. Kết quả của chính sách thu hút FDI tại Trung Quốc

Một là, đóng góp về kinh tế

FDI đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh

Bảng 1. Thống kê FDI theo hình thức năm 2019

Hình thức FDI	Số lượng doanh nghiệp đầu tư nước ngoài		Giá trị FDI	
	Số lượng	Thị phần (%)	Giá trị (tỷ đô)	Thị phần (%)
Tổng số	40910	100	1412,3	100
Liên doanh cổ phần	10077	24,6	317,8	22,5
Doanh nghiệp hoạt động hợp tác hoặc liên doanh theo hợp đồng	70	0,2	3,3	0,2
Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	30533	74,6	936,1	66,3
Công ty cổ phần nước ngoài	117	0,3	80,8	5,7
Khác	113	0,3	74,2	5,3

Nguồn: Statistical bulletin of FDI in China, 2020

Bảng 2. Chính sách thúc đẩy FDI của Trung Quốc

Giai đoạn	Nội dung chính sách
1978-1985	1979 - Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Liên doanh sử dụng đầu tư Trung Quốc và nước ngoài đã được thông qua, trao cho đầu tư nước ngoài một tư cách pháp nhân tại Trung Quốc 1980 - Bốn đặc khu kinh tế được thành lập ở hai tỉnh, bao gồm Thâm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu và Hạ Môn. 1982 - Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ sáu thông qua cho phép Trung Quốc mở cửa nền kinh tế thế giới. 1983 - Quy định Thực hiện Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Liên doanh sử dụng Đầu tư Trung Quốc và Đầu tư Nước ngoài đã được ban hành để tiếp tục tự do hóa thị trường trong nước và tạo môi trường kinh doanh thân thiện cho các liên doanh nước ngoài. 1984 - Đặc khu kinh tế được mở rộng ra 14 thành phố ven biển và đảo Hải Nam. 1985 - Một số "tam giác phát triển", bao gồm châu thổ sông Dương Tử, châu thổ sông Châu Giang ở Quảng Đông, vùng Mân Nam ở Phúc Kiến, bán đảo Liêu Đông và Sơn Đông và vùng ven biển Bột Hải, cũng được mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài.
1986-1990	04/1986 - Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Doanh nghiệp hoạt động độc quyền với vốn nước ngoài tại Kỳ họp thứ tư của Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc khóa VI được thông qua. 10/1986 - Quốc vụ viện ban hành Điều lệ Quốc vụ viện Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa khuyến khích đầu tư nước ngoài (đôi khi được gọi là "Điều khoản 22"). 1990 - Luật Sửa đổi Luật Liên doanh vốn chủ sở hữu và Quy tắc thực hiện doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đã được thông qua. 1991 - Luật Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nước ngoài, Luật Bản quyền, Quy định bảo vệ phần mềm, Sửa đổi Luật Bằng sáng chế, Luật Thương hiệu, Quy định quản lý của ngân hàng nước ngoài, Luật Giao dịch chứng khoán, Luật Ngân hàng, Quy định kiểm soát ngoại hối, Luật Công ty, Quy định tạm thời liên quan đến một số vấn đề về thành lập công ty TNHH theo cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài, Quy định tạm thời về hướng dẫn định hướng đầu tư nước ngoài và Danh mục hướng dẫn các ngành đầu tư nước ngoài.

Giai đoạn	Nội dung chính sách
1994-2001	1994 - Thông tư về các vấn đề liên quan đến Tăng cường Kiểm tra và Phê duyệt Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. 1995 - Hướng dẫn tạm thời cho các dự án đầu tư nước ngoài có hiệu lực. Điều luật này chỉ ra sự ưu tiên FDI vào các ngành nông nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, viễn thông, nguyên vật liệu cơ bản và công nghệ cao. 12/2001 - Trung Quốc trở thành thành viên chính thức của WTO.
2002-2012	02/2002 - Hội đồng Nhà nước Trung Quốc đã ban hành bản sửa đổi mới của Quy định Hướng dẫn đầu tư nước ngoài. Cuối năm 2002 - Sửa đổi Danh mục công nghiệp hướng dẫn đầu tư nước ngoài ban đầu, theo đúng các quy định và cam kết của WTO khi gia nhập WTO. 2012 - Nghị quyết về cải cách toàn diện và sâu rộng, thực hiện “giác mộng Trung Quốc”, “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”.
2013-nay	2013 - Thí điểm các khu mật dịch tự do, thực hiện quy tắc quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm tạo môi trường đầu tư tương đối bình đẳng. 2014 - “Bố cục tổng thể”: phát triển “5 trong 1” (kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, môi trường) và bố cục chiến lược “Bốn toàn diện”. 2019 - Hội nghị Chính trị Hiệp thương Nhân dân Trung Quốc khóa XIII đã thông qua Luật Đầu tư nước ngoài. 2020 - Công bố 24 đề xuất để khuyến khích FDI, thông qua một loạt các cải cách được thiết kế để tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi.

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

tế và xã hội của Trung Quốc trong gần 4 thập kỷ qua. FDI chủ yếu ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của một quốc gia theo hai cách. Thứ nhất, FDI cung cấp cho nước tiếp nhận vốn chất lượng cao, kích thích họ mở rộng đầu tư và sản xuất để đạt được tăng trưởng kinh tế. Thứ hai, công nghệ sản xuất tiên tiến và kinh nghiệm quản lý do FDI mang lại thúc đẩy doanh nghiệp nước sở tại tối ưu hóa hiệu quả sản xuất, từ đó cũng tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Từ năm 1978 đến năm 2002, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và GDP bình quân đầu người của Trung Quốc tăng trung bình hàng năm lần lượt là 9,4 và 8,0%. Từ năm 1992 đến năm 2000, tổng đầu tư vào các vùng ven biển chiếm tới 38% GDP của vùng và đầu tư của các FIE chiếm 14% tổng số. Trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm của vùng ven biển là hơn 12%. Mặt khác, đối với các khu vực nội địa, tổng đầu tư bằng 32% GDP của khu vực, nhưng chỉ có 4% đến từ các FIE. Tăng trưởng GDP trung bình hàng năm là 10 phần trăm. Chín tỉnh nội địa phía Tây nói riêng có tỷ lệ đầu tư của FIEs trên

tổng đầu tư thấp nhất (3%) và tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất (9%), mặc dù tỷ lệ tổng đầu tư trên GDP cao.

Hai là, đóng góp về xã hội

Trong khi nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng với tốc độ nhanh chóng và FDI tiếp tục chảy vào Trung Quốc, tạo việc làm đang trở thành một trong những thách thức kinh tế chính. Với một lượng lớn FDI vào Trung Quốc, số lượng người làm việc trong các doanh nghiệp vốn nước ngoài đã tăng lên đáng kể. Mặc dù số lượng công nhân trong các tập đoàn đa quốc gia chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số việc làm cho đến gần đây, nhưng tỷ lệ đó đã tăng lên rất nhanh. So với việc làm trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài năm 1986, việc làm trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài năm 2011 đã tăng 165 lần. Ngoài ra, do tỷ lệ tổng số việc làm quốc gia do các doanh nghiệp vốn nước ngoài tăng lên, tổng số lao động làm việc trong các tập đoàn vốn nước ngoài đã tăng lên rất nhiều trong những năm này (Niên giám thống kê Trung Quốc, 2012) và đã giúp tạo ra nhiều cơ hội việc làm.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Là quốc gia láng giềng có những điểm tương đồng với Trung Quốc, do đó, những kinh nghiệm trong xây dựng các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Trung Quốc có giá trị tham khảo đối với Việt Nam. Qua nghiên cứu, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như sau.

Một là, chiến lược thu hút FDI cần phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước qua từng thời kỳ.

Trong những giai đoạn đầu của quá trình phát triển, các quốc gia đều tập trung vào số lượng trong thu hút FDI. Sau đó các chính sách thu hút được điều chỉnh một cách có lộ trình nhằm cải thiện chất lượng của dòng vốn này. Để điều chỉnh chính sách một cách có hiệu quả, Việt Nam cần bám sát thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội đất nước, không nóng vội trong thu hút FDI. Bên cạnh đó, việc chọn lọc các dự án FDI không phải là đồng nhất giữa các vùng miền, ngành nghề trong cả nước mà phụ thuộc vào trình độ phát triển của từng vùng và thực tiễn của từng ngành nghề. Trong giai đoạn hiện tại, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chính sách hướng đến thu hút các dự án FDI chất lượng cao, công nghệ cao nhằm cải thiện chất lượng việc làm và thân thiện với môi trường. Việt Nam cũng cần có những chính sách phù hợp, linh hoạt để chọn lọc, thu hút được các dự án FDI đem lại hiệu ứng lan tỏa tích cực về công nghệ và năng suất lao động đến khu vực kinh tế trong nước.

Hai là, các ngành, lĩnh vực khuyến khích đầu tư, các đối tác đầu tư ưu tiên chính trong từng giai đoạn cần được xác định cụ thể và rõ ràng.

Việc xác định chính xác đối tác đầu tư chính đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc chủ động xúc tiến đầu tư lựa chọn đối tác, cũng như thiết kế các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp. Bên cạnh việc khai thác có hiệu quả mối quan hệ với các đối tác FDI chủ yếu hiện nay, cần thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa thu hút FDI từ các thị trường và đối tác tiềm năng, đặc biệt là các quốc gia có thế mạnh về công nghệ cao. Về ngành, lĩnh vực, ưu tiên thu hút FDI vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, du lịch chất lượng cao,

dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ hiện đại khác; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là các ngành nghề mới trên nền tảng công nghiệp 4.0.

Ba là, môi trường đầu tư kinh doanh, thể chế cần được cải thiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Các quốc gia đều xác định môi trường thể chế có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Thể chế chính trị ổn định, hệ thống pháp luật đồng bộ, thủ tục đầu tư đơn giản và nhiều các chính sách khuyến khích đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư là thế mạnh trong việc cạnh tranh thu hút nguồn vốn FDI. Bên cạnh việc cải cách thủ tục hành chính sâu rộng và triệt để theo hướng đơn giản hóa, việc chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới cũng rất quan trọng. Ngoài ra, cần phải ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ doanh nghiệp.

Bốn là, kiểm soát các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và chuyển giao công nghệ.

Ở giai đoạn đầu thu hút FDI, các quốc gia đều tập trung thu hút về mặt số lượng hơn là chất lượng, buông lỏng quản lý và thiếu kiểm soát đối với công nghệ nhập khẩu dẫn đến việc thu hút rất nhiều dự án với công nghệ sản xuất ở trình độ thấp. Điều này gây tổn hại rất lớn đối với môi trường, đến nay vẫn chưa thể khắc phục được và đòi hỏi chi phí khắc phục rất lớn. Tuy nhiên hiện nay, các quốc gia đều chuyển hướng sang thu hút FDI gắn với các mục tiêu phát triển bền vững. Việt Nam cần có những điều chỉnh chính sách nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn công nghệ nhập khẩu và tăng cường thực thi các quy định về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, cần xây dựng chiến lược nhập khẩu và chuyển giao công nghệ nhất quán, đồng bộ với việc đổi mới cơ bản và toàn diện về cơ chế trong tình hình hiện nay. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp hợp tác nghiên cứu với các đối tác, tập đoàn, viện nghiên cứu... để chia sẻ thông tin, nâng cao hiệu quả nhập khẩu và chuyển giao công nghệ.

Năm là, đảm bảo khả năng hoạt động của Đặc khu kinh tế.

Xác định rõ chức năng của ĐKKT là nhân tố cơ bản quyết định sự thành công của các ĐKKT. Trong điều kiện và nhu cầu phát triển kinh tế ở Việt Nam, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất đều phải thực hiện chức năng cơ bản là tranh thủ tối đa nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là yếu tố quan trọng để khắc phục và cải thiện tình trạng thiếu vốn và công nghệ hiện nay của Việt Nam. Và theo đó đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là nhân tố quan trọng thu hút các dự án đầu tư vào các ĐKKT. Xuất phát từ ý tưởng xây dựng ĐKKT trở thành nơi du nhập vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, Trung Quốc đã nhanh chóng cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang bị hệ thống giao thông, điện nước, thông tin liên lạc khá hoàn chỉnh tại các ĐKKT; đồng thời, có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài thông thoáng, hoàn chỉnh, chặt chẽ, tạo điều kiện tối đa cho DN đến đầu tư kinh doanh.

4. Kết luận

Nhiều biện pháp khác nhau đã góp phần vào sự tăng trưởng GDP của Trung Quốc, với cách tiếp cận chính vẫn tập trung vào việc mở rộng đầu tư

liên tục. Chính phủ Trung Quốc đóng vai trò then chốt trong việc kích thích đầu tư, chủ yếu thông qua chi tiêu đáng kể cho các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng, đặc biệt là hệ thống giao thông. Lĩnh vực này thu hút được sự chú ý đáng kể và được coi là yếu tố chính phân biệt sự phát triển kinh tế vượt trội của Trung Quốc với các nền kinh tế đang phát triển lớn khác như Ấn Độ, Brazil và Indonesia. Hơn nữa, việc mở rộng tài sản cố định công nghiệp, được hỗ trợ bởi sự phát triển của các doanh nghiệp nhà nước, đóng vai trò là một động lực quan trọng khác. Vị thế thuận lợi của Trung Quốc được củng cố bởi các yếu tố như nguyên liệu thô và nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu dùng rộng lớn, cơ sở hạ tầng phát triển tốt, hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ mạnh mẽ và ảnh hưởng của đầu tư nhà nước trong việc kích thích đầu tư tư nhân và nước ngoài. Do đó, tính khả thi của việc thực hiện đầu tư quy mô lớn luôn ở mức cao. Trung Quốc và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng về mặt văn hóa và nguồn tài nguyên, vì vậy, học hỏi những kinh nghiệm thu hút đầu tư nước ngoài từ Trung Quốc là hoạt động cần thiết để thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng vào Việt Nam ■

****Bài viết là sản phẩm thuộc đề tài “Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong tư duy tiếp cận và định hướng phát triển mới, mã số: KX.04.18/21-2.***

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Botrić, V., & Škuflić, L. (2006). Main Determinants of Foreign Direct Investment in the Southeast European Countries. *Transition Studies Review*, 13(2), 359-377. <https://doi.org/10.1007/s11300-006-0110-3>
2. China's FDI inflows hits record high in 2021, 14.9% surge over 2020 (2022) China Briefing News. Available at: <https://www.china-briefing.com/news/chinas-fdi-record-high-2021-global-fdi-rebound-services-high-tech-industry/> (Accessed: 06 May 2024).
3. Farrell, R. (2008). *Japanese Investment in the World Economy: A Study of Strategic Themes in the Internationalisation of Japanese Industry*. Edward Elgar Publishing. <https://doi.org/10.4337/9781848442825>
4. Kumar, N., & Pradhan, J. P. (2005). Foreign Direct Investment, Externalities and Economic Growth in Developing Countries: Some Empirical Explorations. Trong E. M. Graham (B.t.v), *Multinationals and Foreign Investment in Economic Development* (tr 42–84). Palgrave Macmillan UK. https://doi.org/10.1057/9780230522954_3
5. Nath, H. K. (2009). Trade, Foreign Direct Investment, and Growth: Evidence from Transition Economies. *Comparative Economic Studies*, 51(1), 20-50. <https://doi.org/10.1057/ces.2008.20>
6. Romer, P. (1993). Idea gaps and object gaps in economic development. *Journal of Monetary Economics*, 32(3), 543-573. [https://doi.org/10.1016/0304-3932\(93\)90029-F](https://doi.org/10.1016/0304-3932(93)90029-F)

7. Statistical bulletin of FDI in China. Available at: <https://fdi.mofcom.gov.cn/resource/pdf/2020/12/09/048b1af24cdc4c1995f2245c2a735109.pdf>

8. UNCTAD, World Investment Reports 2018-2021 (New York: UN Publications, 2018-2021).

Ngày nhận bài: 29/9/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 12/10/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 31/10/2024

Thông tin tác giả:

ThS. VŨ LÊ THÙY TRANG

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

CHINA'S FDI ATTRACTION EXPERIENCE: INSIGHTS AND LESSONS FOR VIETNAM

● Master. **VU LE THUY TRANG**

University of Economics and Business,
Vietnam National University - Hanoi

ABSTRACT:

China, as a global leader in attracting foreign direct investment (FDI), has implemented a series of progressive policies to enhance its appeal to investors. Key milestones include the promulgation of the Joint Venture Law (1979), the establishment of special economic zones (1980), WTO accession (2001), amendments to investment regulations (2002–2012), the piloting of free trade zones (2013), and the enactment of the Foreign Investment Law (2019). These policies have significantly contributed to China's socio-economic development. Economically, FDI has supplied high-quality capital and advanced technology, driving an average annual GDP growth of 9.4% from 1978 to 2002 and increasing GDP per capita by 8%. Socially, FDI has generated substantial employment opportunities, both directly and through inter-industry linkages. Given Vietnam's similar characteristics and development goals, it stands to benefit from studying China's FDI strategies. This study examines the implementation of China's FDI policies and distills lessons applicable to Vietnam's efforts to attract foreign investment.

Keywords: FDI attraction, China, experience.